

Bản án số: 11/2021/DS-PT
Ngày: 27/01/2021
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Ông Trần Bình Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lục Thanh N, sinh năm 1965. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: đường M, phường V, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Thái Thị Anh T sinh năm 1972 và ông Tô Thanh B, sinh năm 1969. Đều vắng mặt

Cùng địa chỉ: đường Q, phường B, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lục Thanh N trình bày:

Ngày 15/5/2019 vợ chồng bà Thái Thị Anh T và ông Tô Thanh B có mượn của bà số tiền 650.000.000đ, bà T ông B hẹn đến ngày 17/7/2019 âm lịch sẽ trả đủ số tiền trên cho bà, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng.

Nay đã đến hạn trả nợ nhưng bà T ông B vẫn không thanh toán nợ gốc và không trả lãi cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà T ông B phải trả cho bà số tiền nợ gốc 650.000.000đ và lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày trả nợ cho bà.

Bị đơn bà Thái Thị Anh T và ông Tô Thanh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và chưa có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lục Thanh N về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Thái Thị Anh T và ông Tô Thanh B.

Buộc bị đơn bà Thái Thị Anh T và ông Tô Thanh B trả cho nguyên đơn bà Lục Thanh N số tiền vốn gốc và tiền lãi là 765.370.666 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo.

*** Ngày 04 tháng 11 năm 2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang kháng nghị với nội dung như sau:**

Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất và án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn bà Lục Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Tô Thanh B, bà Thái Thị Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lục Thanh N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ theo khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang, thấy rằng:

Căn cứ biên nhận mượn tiền ngày 15/5/2019 (âm lịch) thể hiện bà T ông B

có ký biên nhận vay của bà N số tiền 650.000.000đ, hạn đến ngày 17/7/2019 (âm lịch) sẽ trả đủ số tiền trên cho bà N. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà T, ông B không thanh toán nợ gốc và không trả lãi cho bà N. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T, ông B phải trả cho bà N số tiền nợ gốc 650.000.000đ và lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày trả nợ cho bà.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 315/2019/TB-TLVA ngày 16/12/2019 cho bà Thái Thị Anh T nhận trực tiếp. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt và không có ý kiến. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất là chưa phù hợp, vì thời điểm các bên xác lập giao dịch là ngày 17/6/2019 (nhằm ngày 15/5/2019 âm lịch). Thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành nên phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất.

Đối với việc tính lãi suất của cấp sơ thẩm:

Căn cứ biên nhận mượn tiền ngày 15/5/2019 âm lịch (nhằm ngày 17/6/2019) bà N cho bị đơn bà T, ông B vay số tiền 650.000.000đ, hạn ngày 17/7/2019 âm lịch (nhằm ngày 17/8/2019 dương lịch), thời gian là 02 tháng 02 ngày nên không tính lãi suất trong thời gian này.

Đến ngày 18/7/2019 âm lịch (nhằm ngày 18/8/2019 dương lịch) bị đơn không trả nợ, bà N yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 lãi suất chậm trả tính từ ngày 18/7/2019 âm lịch (nhằm ngày 18/8/2019 dương lịch) đến ngày 27/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 14/9/2020 dương lịch) là 12 tháng 26 ngày:

$$650.000.000\text{đ} \times 0,833\%/tháng \times 12\text{ tháng } 26\text{ ngày} = 69.666.558\text{đ}.$$

$$\text{Tổng cộng vốn gốc và lãi là: } 650.000.000\text{đ} + 69.666.558\text{đ} = 719.666.558\text{đ}.$$

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 719.666.558đ, án phí được tính như sau: $20.000.000\text{đ} + (319.666.558\text{đ} \times 4\%) = 32.786.662\text{đ}.$

Hoàn trả cho bà Lục Thanh N số tiền án phí đã tạm ứng là 13.000.000đ theo biên lai thu số 0007344 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thanh N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B.

2. Buộc bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lục Thanh N tổng số tiền 719.666.558đ (Bảy trăm mười chín triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), lãi 69.666.558đ (Sáu mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 32.786.662đ (Ba mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn trả cho bà Lục Thanh N số tiền án phí đã tạm ứng là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0007344 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. A;
- THA dân sự TP. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Bích Vân